TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2025/DS-PT
Ngày: 19-6-2025
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng Vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Chiến

Các Thẩm phán:

+ Ông Hồ Văn Cường;

+ Ông Trần Tuấn Vũ.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gọn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 04 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2025/QĐXX-PT, ngày 26 tháng 05 năm 2025, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Anh Trần Trung K, sinh năm 1971; trú tại: Tổ B, ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. ***Bị đơn:*** Anh Trần Văn H, sinh năm 1981; trú tại: Ô, khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H: Chị Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1972; trú tại: ấp X, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh và anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1992; trú tại: C ấp L, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 03/4/2025), có mặt.

3. ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Chị Trương Thị C, sinh năm 1978; trú tại: Ô, khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Anh Nguyễn Thái S, sinh năm 1977 và chị Trần Thị Minh N, sinh năm 1979. Cùng trú tại: Số D, N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt

Người kháng cáo: Anh Trần Văn H là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Trần Trung K *trình bày:*

Anh và vợ chồng anh Trần Văn H, chị Trương Thị C quen biết đã lâu, mỗi năm anh đều cho vợ chồng anh H vay tiền để trả nợ Ngân hàng.

Ngày 28/03/2024, anh cho vợ chồng anh H và chị C vay số tiền 400.000.000 đồng mục đích để đáo hạn ngân hàng. Ngày 01/4/2024 vợ chồng anh H và chị C vay tiếp 800.000.000 đồng, anh chuyển khoản 2 lần, 1 lần là 400.000.000 đồng, 1 lần là 399.990.000 đồng (để tránh nhầm lẫn); anh H vay tiền mục đích đáo hạn ngân hàng. Tổng cộng 02 lần vay là 1.199.990.000 đồng. Việc vay tiền thông qua hình thức chuyển khoản, anh chuyển tiền từ số tài khoản 050036245635 của anh tại Ngân hàng TMCP S1 qua số tài khoản của anh Trần Văn H là 66110002289681 tại Ngân hàng TMCP Đ. Hai lần chuyển tiền anh ghi nội dung chuyển khoản là: "H mượn K"; "H mượn A K1"

Ngày 03/4/2024, anh đến nhà gặp vợ chồng anh H và chị C, có hẹn nhận được tiền vay sẽ trả lại và viết giấy mượn tiền để anh làm tin. Sau đó anh H và chị C trả tiền cho anh được 06 lần, cụ thể: Ngày 04/4/2024 trả được 100.000.000 đồng; ngày 09/4/2024 trả được 100.000.000 đồng; ngày 10/4/2024 trả được 170.000.000 đồng; ngày 11/4/2024 trả được 50.000.000 đồng; ngày 19/4/2024 trả được 50.000.000 đồng; ngày 24/4/2024 trả được 230.000.000 đồng. Tổng cộng anh H và chị C trả được 06 lần là 700.000.000 đồng.

Việc trả tiền do anh H gửi cho vợ chồng chị Trần Thị Minh N và anh Nguyễn Thái S trả cho anh. Và do trả được hơn nữa số nợ nên vợ chồng anh H đã lấy lại Giấy mượn tiền ngày 03/4/2024 do đó bản chính hiện anh không còn giữ.

Vợ chồng anh H và chị C còn nợ lại là 499.990.000 đồng nhưng hẹn nhiều lần vẫn không trả. Do đó, anh khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh H và chị C trả lại số tiền 499.990.000 đồng và tính lãi 0,83%/tháng kể từ ngày 01/5/2024 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn anh Trần Văn H *trình bày:*

Anh và vợ chồng anh Nguyễn Thái S, chị Trần Thị Minh N là anh em kết nghĩa với nhau. Chị N là em ruột của anh Trần Trung K. Từ chỗ quen biết với chị N thì anh mới quen anh K.

Vợ chồng chị N có ý định đi làm việc tại Na Uy nên chị N có hỏi vay tiền của anh K (anh ruột) nhưng anh K không tin tưởng vợ chồng chị N do đó anh (H) mới đứng ra làm trung gian (giống như người làm chứng), anh K chuyển tiền qua tài khoản của anh, rồi anh chuyển lại cho chị N. Sau khi chuyển xong thì anh đều có gọi điện báo cho anh K biết. Mục đích làm như vậy là để anh biết được số tiền mà anh K cho vợ chồng chị N vay là bao nhiêu; việc thỏa thuận này là thỏa thuận miệng giữa các bên do tin tưởng nhau, anh cũng không nhận được bất kỳ lợi ích nào từ anh K hay chị N.

Cụ thể: Ngày 28/3/2024 anh K chuyển khoản vào tài khoản của anh là 400.000.000 đồng; ngày 01/4/2024 anh K chuyển khoản cho anh 2 lần một lần 400.000.000 đồng, 1 lần 399.990.000 đồng. Tất cả 3 lần này đều chuyển vào số tài khoản 66110002289681 của anh tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Nhận tiền xong thì cùng ngày anh chuyển đúng số tiền trên cho chị N. Sau đó việc trả nợ, do chị N trực tiếp trả cho anh K, anh hoàn toàn không biết. Anh K cho rằng vợ chồng anh có làm giấy mượn tiền ngày 03/4/2024 là không đúng, anh không có ký giấy nợ gì với anh K.

Ngoài ra, việc anh K nói cho anh mượn số tiền 1.200.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng là không đúng, tại thời điểm này thì anh chỉ đang thiếu ngân hàng là 900.000.000 đồng.

Nay anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K, do anh không có vay tiền gì của anh K, số tiền anh K khởi kiện là do chị N và anh S vay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trương Thị C *trình bày:* Chị là vợ của anh Trần Văn H, việc anh H cho mượn tài khoản chuyển tiền qua lại giữa anh K và chị N thì chị hoàn toàn không biết. Từ trước đến nay vợ chồng chị không có vay tiền gì của anh K. Tại thời điểm ngày 01/4/2024 thì vợ chồng chị có làm thủ tục đáo hạn ngân hàng, việc vay tiền Ngân hàng dùng mục đích chi tiêu sinh hoạt gia đình, tiền trả Ngân hàng là của vợ chồng chị, không liên quan gì đến anh K. Do đó chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thái S *đã trình bày*: Anh H là anh em kết nghĩa với vợ chồng anh, còn anh K là anh vợ của anh.

Vợ chồng anh trước giờ không có vay tiền của anh K, anh có nghe nói là anh K chuyển tiền cho anh H nhưng chuyển tiền để làm gì thì anh không rõ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Minh N *trình bày:*

Chị là vợ của anh Nguyễn Thái S, vợ chồng chị và anh Trần Văn H là bạn bè chơi với nhau đã lâu. Còn anh Trần Trung K là anh ruột của chị. Anh H kinh doanh mua bán rèm cửa, anh thường xuyên chuyển tiền vào tài khoản của chị, có khi một tháng chuyển 2 lần để chị rút ra trả tiền hàng cho anh H.

Mỗi lần trả thì số tiền còn dư lại chị trả cho anh H nhưng anh H kêu chị là mang xuống đưa cho anh K giúp, còn đưa để làm gì thì chị không biết. Tổng cộng chị đã đưa cho anh K là 700.000.000 đồng, đưa nhiều lần từ ngày 04/4/2024 cho đến ngày 24/4/2024. Ngoài khoảng thời gian này thì chị không có đưa tiền gì cho anh K nữa.

Vợ chồng chị trước giờ không có vay mượn tiền gì từ anh K hết, do đó anh H cho rằng anh H đứng ra làm chứng cho vợ chồng chị vay tiền của anh K là hoàn toàn không đúng. Số tiền 700.000.000 đồng mà chị đưa cho anh K đó là tiền của anh H, anh H yêu cầu chị trả qua anh K. Việc anh K cho vợ chồng anh H vay tiền cụ thể như thế nào thì chị hoàn toàn không biết. Do đó chị không liên quan gì trong vụ án này, yêu cầu Tòa án cho chị được vắng mặt trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân gia đình; Điều 92, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Trung K đối với anh Trần Văn H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc anh Trần Văn H và chị Trương Thị C cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Trần Trung K số tiền là 541.074.000 (năm trăm bốn mươi mốt triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng (trong đó tiền gốc là 499.990.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 28/02/2025 là 41.084.000 đồng).

Bản án sơ thẩm còn tuyền về nghĩa vụ thi hành án, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10/03/2025, anh Trần Văn H làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Trần Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có cung cấp bổ sung 01 USB kèm theo đơn xin cung cấp chứng cứ; văn bản trình bày ý kiến của anh Trần Văn H.

Anh Trần Trung K không chấp nhận kháng cáo của anh H, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa Phúc thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm thẩm chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính lãi suất chậm trả kể từ ngày anh K khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 28/02/2025 Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm vụ kiện, ngày 10/03/2025 anh Trần Văn H làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, anh H kháng cáo trong hạn luật định, nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Từ ngày 28/3/2024 đến ngày 01/4/2024 anh Trần Trung K cho anh Trần Văn H vay số tiền là 1.199.990.000 đồng và anh K đã giao cho anh H số tiền trên thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản của anh H. Anh K trình bày mục đích anh H vay tiền là đáo hạng ngân hàng, sau khi vay anh H đã trả được 700.000.000 đồng, còn nợ lại 499.990.000 đồng, anh K yêu cầu vợ chồng anh H, chị C trả và tính lãi suất theo quy định pháp luật.

Anh Trần Văn H xác định có vay của anh K số tiền là 1.199.990.00 đồng, nhưng số tiền trên anh H cho rằng vay dùm vợ chồng anh Nguyễn Thái S và chị Trần Thị Minh N, sau khi nhận được tiền do anh K chuyển khoản thì anh H chuyển cho chị N và thông báo cho anh K biết. Sau đó giữ anh K, anh H và vợ chồng anh S - chị N gặp nhau thỏa thuận là vợ chồng anh S – chị N có nghĩa vụ trả cho anh K số tiền trên và được anh K đồng ý nên sau đó vợ chồng anh S, chị N đã trả cho anh K được 700.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 499.990.000 đồng. Nay anh K khởi kiện yêu cầu anh H trả số tiền 499.990.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là anh H không đồng ý, lý do anh S, chị N là người có nghĩa vụ trả nợ cho anh K.

[3] Xét thấy, anh K cho anh H vay số tiền là 1.199.990.00 đồng và anh H chuyển số tiền trên cho anh S, chị N vay việc này anh S, chị N không thừa nhận,

nhưng qua chứng cứ ngân hàng cung cấp bản sao kê và giấy đề nghị thanh toán có đủ cơ sở xác định anh H đã chuyển cho chị N số tiền 1.200.000.000 đồng ngay sau khi anh nhận tiền của anh K.

[4] Về việc anh H, chị C cho rằng có việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ anh H, chị C sang anh S, chị N trả số tiền là 1.199.990.00 đồng cho anh K thấy rằng: Sau khi anh H chuyển số tiền 1.200.000.000 đồng cho chị N thì sau đó do nợ nhiều người nên chị N bỏ nhà đi (việc này được anh S xác nhận tại biên bản nghi lời khai ngày 22 tháng 11 năm 2024 – bút lục số 37) nên anh H, chị C làm đơn trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện G, tỉnh Tây Ninh nhưng sau đó anh H - chị C rút đơn, lý do là anh H, chị C và anh S, anh K đã thỏa thuận được sự việc (biên bản xác minh lập ngày 23/5/2025 – bút lục số 129) và anh H, chị C cung cấp file ghi âm nội dung trao đổi giữa chị C và anh K (được anh K xác định đúng giọng nói của anh tại biên bản làm việc ngày 22/5/2025 – bút lục số 128) có nội dung anh K nói: " …Thì lúc đó ba người chúng ta họp mặt lại thì anh cũng nói là đồng ý cho thằng S khắc phục dùm em, có nghĩa là anh không biết giữa em với thằng S như thế nào, bây giờ thằng S nó nói là để cái tiền đó nó sẽ trả cho anh….nếu nó khắc phục hết thì thôi không có chuyện gì để nói, nhưng bây giờ nó khắc phục không hết thì anh phải tìm đến em…". Và sau đó chị N đã trả cho anh K được số tiền 700.000.000 đồng.

Việc anh K và vợ chồng anh S, chị N không thừa nhận việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ anh H, chị C sang anh S, chị N nhưng qua chứng cứ và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định anh K đã đồng ý để anh S, chị N trả số tiền 1.199.990.00 đồng cho anh K thay anh H, chị C. Và anh K đã trả lại giấy vay tiền bản gốc cho anh H, chị C xe bỏ là đúng, việc anh K cho rằng do anh H đã trả được 700.000.000 đồng nên mượn lại giấy nợ và giữ luôn là không đúng với thực tế khách quan.

[5] Căn cứ vào Điều 370 của Bộ luật Dân sự quy định chuyển giao nghĩa vụ "Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý…Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ". Như vậy, anh S- chị N là bên có nghĩa vụ đối với anh K, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K buộc anh H, chị C trả cho anh K số tiền vốn và lãi là 541.074.000 đồng là đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, khách quan.

[6] Từ những phân tích trên, chấp nhận kháng cáo của anh H sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa không cùng quan điểm của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự:

Án phí sơ thẩm: Anh Trần Trung K phải chịu 25.643.000 (hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn) đồng, được khấu trừ 12.200.000 (mười hai triệu hai trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014504 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; số tiền án phí anh K còn phải nộp là 13.443.000 đồng.

Anh Trần Văn H và chị Trương Thị C không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

Án phí Phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn trả cho anh Trần Văn H 300.000 đồng tiền tạm ứng phí mà anh H đã nộp theo biên lai thu số 0010588 ngày 03/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn H;

Sửa bản án án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST, ngày 28-02-2025 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 463, 465 và Điều 370 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Trung K về việc yêu cầu vợ chồng anh Trần Văn H, chị Trương Thị C trả số tiền vay là 541.074.000 đồng (trong đó tiền gốc là 499.990.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 28/02/2025 là 41.084.000 đồng).

2. Về án phí dân sự:

2.1 Án phí sơ thẩm: Anh Trần Trung K phải chịu 25.643.000 (hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn) đồng, được khấu trừ 12.200.000 (mười hai triệu hai trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014504 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; số tiền án phí anh K còn phải nộp là 13.443.000 đồng.

Anh Trần Văn H và chị Trương Thị C không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

2.2 Án phí Phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu. Hoàn trả cho anh Trần Văn H 300.000 đồng tiền tạm ứng phí mà anh H đã nộp theo biên lai thu số

0010588 ngày 03/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Hữu Chiến